TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 468/2017/DS-ST
Ngày: 11/8/2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Loan
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 552/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2016 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 985/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1556/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H; địa chỉ trụ sở: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng P, sinh năm 1988; cư trú tại: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 23008011250 HC/GUQ ngày 16/3/2017), (Vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1986; cư trú tại: Đường L, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H có ông Trần Hoàng P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/9/2013, ông Nguyễn Đức T ký hợp đồng tín dụng số 2300801250 với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H (gọi tắt là Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H, tên cũ là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tài chính P) để vay số tiền 15.935.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 6,42%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Nguyễn Đức T có trách nhiệm trả góp vào ngày 18 hàng tháng, số tiền trả góp hàng tháng là 1.958.000 đồng, thời gian thực hiện thanh toán bắt đầu từ ngày 18/10/2013, nếu ông Nguyễn Đức T không thanh toán đúng hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng thì ông phải chịu khoản tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H đã giải ngân vào ngày ký hợp đồng, ông Nguyễn Đức T đã nhận đủ số tiền vay 15.935.000 đồng và thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H 06 lần với số tiền 10.540.000 đồng. Từ ngày 10/7/2014, ông Nguyễn Đức T không thanh toán tiền nợ cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H nữa. Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H đã nhiều lần nhắc nhở ông Nguyễn Đức T trả nợ còn lại nhưng ông Nguyễn Đức T vẫn không trả. Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H khởi kiện ông Nguyễn Đức T và yêu cầu ông phải thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H các khoản nợ còn lại tính đến ngày 21/7/2017 theo hợp đồng tín dụng nêu trên như sau: Nợ vay là 12.956.000 đồng (bao gồm cả nợ gốc và lãi vay), tiền phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.100.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản này là: 14.056.000 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án (nếu có) thì Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền ông Nguyễn Đức T chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H không yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập ông Nguyễn Đức T tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Nguyễn Đức T không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của ông Nguyễn Đức T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Sau khi được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H đã ký hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Đức T theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Đức T có vay tiền của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H có ký hợp đồng tín dụng, do đó có cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Đức T và Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do ông Nguyễn Đức T không trả tiền đúng hạn nên Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H khởi kiện. Ông Nguyễn Đức T cư trú tại Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự triệu tập ông Nguyễn Đức T tới Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Đức T vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho ông Nguyễn Đức T, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Đức T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227,

Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đức T.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2].Về yêu cầu của các đương sự:

Đối với yêu cầu của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 2300801250 ngày 18/9/2013 được ký giữa ông Nguyễn Đức T với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên và bảng kê chi tiết nợ tiền gốc và lãi thể hiện ông Nguyễn Đức T có vay của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H số tiền 15.935.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 6,42%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, trả góp vào ngày 18 hàng tháng, số tiền trả góp hàng tháng là 1.958.000 đồng, thời gian thực hiện thanh toán bắt đầu từ ngày 18/10/2013, nếu ông Nguyễn Đức T không thanh toán đúng hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng thì ông phải chịu khoản tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng. Ông Nguyễn Đức T đã thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H 06 lần với số tiền 10.540.000 đồng. Từ ngày 10/7/2014, ông Nguyễn Đức T không thanh toán tiền nợ cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H nữa.

Như vậy theo nguyên đơn thì tính đến ngày 21/7/2017, bị đơn còn thiếu nguyên đơn khoản nợ vay còn lại là 12.956.000 đồng (bao gồm cả nợ gốc và lãi vay), khi ký hợp đồng ông Nguyễn Đức T có thỏa thuận về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán chậm trễ nên ông Nguyễn Đức T phải chịu tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán chậm là 1.100.000 đồng, tổng cộng 02 khoản này là 14.056.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này*" , theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Hội đồng xét xử nhận định đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận mà không theo quy định tại khoản 1 Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2005 mà phải theo khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm

2010. Như vậy, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H yêu cầu ông Nguyễn Đức T trả số tiền góp còn nợ 12.956.000 đồng (bao gồm cả nợ gốc và lãi vay) là có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán chậm trễ nên bị đơn phải chịu tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán chậm là 1.100.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng tín dụng trả góp số 2300801250 ngày 18/9/2013 có quy định rõ về phạt vi phạm, ông Nguyễn Đức T đã ký kết hợp đồng này là đã đồng ý nghĩa vụ chịu phạt ngay từ khi ký kết, hơn nữa nguyên đơn chỉ chốt nợ trong 12 tháng mà không tiếp tục tính lãi theo hợp đồng là đã có lợi cho bị đơn, số nợ cũng đã lâu, gây thiệt hại cho nguyên đơn nên yêu cầu bị đơn chịu phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H đối với việc buộc bị đơn ông Nguyễn Đức T phải trả một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn số tiền nợ còn lại: 12.956.000 đồng (bao gồm cả nợ gốc và lãi vay) và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán chậm là 1.100.000 đồng, tổng cộng 2 khoản này là 14.056.000 đồng.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án, yêu cầu của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.056.000 đồng x 5% = 702.800 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H số tiền 351.400 đồng mà Công ty đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0017175 ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 361, 305, 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H.

- Buộc ông Nguyễn Đức T chịu trách nhiệm trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H số tiền nợ tính đến ngày 21/7/2017 theo hợp đồng tín dụng số số 2300801250 ngày 18/9/2013 là 14.056.000 (Mười bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Đức T chưa trả hết số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Nguyễn Đức T còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: : Ông Nguyễn Đức T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 702.800 (Bảy trăm lẻ hai nghìn tám trăm) đồng đối với khoản nợ mà ông Nguyễn Đức T phải trả là 14.056.000 (Mười bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 351.400 (Ba trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm) đồng theo biên lai thu số AA/2016/0017175 ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H, bị đơn ông Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận gò Vấp;
- Các đương sự
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Tám